

Số: 2451 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2006 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2003/TT-BKH ngày 22/7/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về nội dung, trình tự lập thẩm định và quản lý các dự án quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội lãnh thổ;

Căn cứ Quyết định số 40/2005/QĐ-BCN ngày 23/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc ban hành Quy định tạm thời về quy hoạch phát triển công nghiệp;

Căn cứ Công văn số 2452/BCN-KH ngày 29/5/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc hiệp y Quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2006 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Công nghiệp tại Tờ trình số 309/TTr-SCN ngày 30 tháng 7 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2006 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển công nghiệp với tốc độ cao, hiệu quả và bền vững; phấn đấu đến năm 2015, đưa Hà Tĩnh trở thành một tỉnh công nghiệp;

- Phát triển công nghiệp phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh, quy hoạch phát triển công nghiệp của vùng và cả nước;

- Phát triển công nghiệp kết hợp chặt chẽ với phát triển các ngành kinh tế khác, gắn với bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh, quốc phòng; chú trọng đưa công nghiệp về nông thôn đi đôi với phát triển TTCN, làng nghề truyền thống;

- Phát triển công nghiệp trên cơ sở phát triển của khoa học công nghệ và nguồn nhân lực có trình độ cao, coi trọng chất lượng tăng trưởng và giá trị tăng thêm của sản xuất công nghiệp;

2. Mục tiêu phát triển

Quy hoạch phát triển công nghiệp - TTCN trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2006 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020 nhằm đạt mục tiêu sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2010 đạt 5.746 tỷ đồng; năm 2015 đạt 18.196 tỷ đồng; năm 2020 đạt 45.965 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2006-2010 đạt 33,12%, giai đoạn 2011-2015 đạt 23,49% và giai đoạn 2016-2020 đạt 24,79%;

- Giá trị tăng thêm công nghiệp đến năm 2010 đạt 1.419,7 tỷ đồng; năm 2015 đạt 3.900,4 tỷ đồng; năm 2020 đạt 9.827,4 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng GDP công nghiệp giai đoạn 2006-2010 đạt 21,7%, giai đoạn 2011-2015 đạt 22,4% và giai đoạn 2016-2020 đạt 20,3%;

- Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP năm 2010 chiếm 35,00%; năm 2015 chiếm 40,10%; năm 2020 chiếm 42,50% (trong đó công nghiệp tương ứng chiếm 19,82%; 25,93% và 31,79%).

3. Định hướng phát triển

- Phát triển công nghiệp theo phương châm huy động tối đa nguồn đầu tư từ nội lực, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, hợp tác liên tỉnh, liên vùng và liên ngành.

- Thực hiện đa dạng hoá ngành nghề sản xuất công nghiệp, vừa tập trung phát triển các ngành có tiềm năng và lợi thế của địa phương như: công nghiệp khai khoáng, luyện kim, công nghiệp sản xuất VLXD, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản... vừa phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao như cơ khí chế tạo, điện tử và công nghệ thông tin, sản xuất vật liệu mới thay thế nhập khẩu...

- Đa dạng hóa về quy mô và loại hình doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

4. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp

4.1. Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản

Tập trung nguồn lực để đổi mới công nghệ tại các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản nhằm nâng cao giá trị, giảm tổn thất tài nguyên và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản phải đảm bảo các điều kiện phát triển bền vững, quản lý tốt tài nguyên, hạn chế tối đa gây ảnh hưởng tới môi trường. Đối với dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê, phấn đấu đến năm 2010 khai thác đạt công suất 4, 4 triệu tấn/năm, sau năm 2010 khai thác và chế biến quặng sắt đạt công suất từ 5-10 triệu tấn /năm cung cấp cho nhà máy thép liên hợp công suất 4, 5 triệu tấn sản phẩm/năm.

4.2. Công nghiệp luyện kim

Phát triển ngành công nghiệp luyện kim Hà Tĩnh theo hướng hiện đại, bền vững; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, chú trọng đầu tư với quy mô lớn, công nghệ hiện đại, sản phẩm có chất lượng cao, chủng loại đa dạng; ưu tiên sản xuất các sản phẩm phục vụ cho ngành đóng tàu, cơ khí, xây dựng, như: thép phôi, thép cán, thép ống, thép hình, ...vv.

4.3. Công nghiệp sản xuất điện năng

Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn trong và ngoài nước, đa dạng hóa các hình thức đầu tư để phát triển nguồn điện. Hoàn thiện quy hoạch và triển khai đầu tư Trung tâm Điện lực Vũng Áng; tiếp tục đầu tư các nhà máy thủy điện nhỏ; ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng mới. Phát triển và hoàn thiện hệ thống lưới điện trong tỉnh nhằm nâng cao độ ổn định, tin cậy trong cung cấp điện, giảm tổn thất điện năng.

4.4. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm

Đa dạng về quy mô và loại hình sản xuất chế biến, song song với việc xây dựng các cơ sở chế biến tập trung gắn với các vùng nguyên liệu, cần khuyến khích phát triển các cơ sở chế biến nhỏ của các tổ hợp gia đình, làng nghề. Xây dựng các vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy, hải sản để có thể cung ứng đủ cho các nhà máy chế biến phục vụ xuất khẩu. Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, bán công nghiệp và công nghiệp; tăng nhanh đàn bò, heo thịt, gia cầm; cải thiện chất lượng thịt và trọng lượng xuất chuồng; chú trọng chất lượng thực phẩm theo qui định quốc tế.

4.5. Công nghiệp cơ khí, điện tử và công nghệ thông tin

Để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2020 và những năm tiếp theo, ngành cơ khí, điện tử cần được tổ chức theo hướng tập trung phục vụ các ngành công nghiệp như đóng tàu, khai thác mỏ, luyện kim; cung cấp các loại máy móc trong sản xuất nông nghiệp; đa dạng hoá các sản phẩm kim khí phục vụ tiêu dùng và đời sống nhân dân. Mặt khác, do xuất phát điểm thấp, quy mô nhỏ bé, ngành này cần phải tiếp tục thu hút các nguồn vốn để đầu tư phát triển; quan tâm đầu tư các nhà máy chế tạo kết cấu định hình và sản phẩm đặc thù cho các KCN.

4.6. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

Lựa chọn qui mô đầu tư và phân bố sản xuất phù hợp với nguồn tài nguyên và thị trường tiêu thụ. Tập trung phát triển các loại vật liệu có lợi thế như: Vật liệu xây, vật liệu lợp, đá, cát, sỏi xây dựng,.... Sản xuất gạch nung theo công nghệ lò tuynel, tiến tới xóa bỏ các lò gạch thủ công; phát triển các dự án sản xuất VLXD, đáp ứng kịp thời nhu cầu xây dựng của các dự án đang được triển khai, như Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê, dự án Nhà máy thép liên hợp, cải tạo, nâng cấp quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, xây dựng thành phố Hà Tĩnh, nâng cấp các thị trấn, thị tứ ...

4.7. Công nghiệp hóa chất và sản phẩm hoá chất

Đầu tư sản xuất các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của các ngành công nghiệp, nông nghiệp, chế biến thủy sản và nhu cầu dân dụng; quan tâm sản xuất các loại dược phẩm, thuốc chữa bệnh, phân bón và hóa chất phục vụ nông nghiệp; ưu tiên xây dựng Nhà máy chế biến Pigment, Nhà máy sản xuất Axít Sunfuaric.

4.8. Công nghiệp dệt may, da giày

Trước mắt, phát triển các cơ sở quy mô vừa và nhỏ để sử dụng lao động tại chỗ, sản xuất các sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong tỉnh và làm vệ tinh cho các nhà máy lớn. Đồng thời, kêu gọi thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt liên doanh với Tập đoàn dệt may Việt Nam thành lập các Công ty cổ

phần dệt, may, cọc sợi, ...vv. Tiến tới xây dựng Cụm công nghiệp Sợi - Dệt - May, với các sản phẩm may, sợi, dệt vải cao cấp, dệt kim, sản xuất phụ liệu theo nhiều hình thức: liên doanh, 100% vốn của nước ngoài hoặc công ty cổ phần. Nghiên cứu phát triển công nghiệp kéo sợi và đan dệt lưới đánh cá, đáp ứng nhu cầu của ngành đánh bắt thủy, hải sản trong tỉnh và khu vực. Đối với công nghiệp Da giày, khi giao thông đã thuận tiện hơn có thể nhận gia công nguyên phụ liệu cho các DN sản xuất giày, dép của TP. Hà Nội, Hải Phòng....

4.9. Công nghiệp khác (in, tái chế...)

Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư mở rộng sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt của nhân dân trong tỉnh.

4.10. Phát triển TTCN

Ưu tiên phát triển những ngành nghề có lợi thế về lao động, nguyên liệu và có tiềm năng xuất khẩu như: chế biến nông, lâm, thủy hải sản, dệt may, rèn đúc, gia công cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng...

Khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống, trọng điểm:

- Đối với các làng nghề hiện có như mộc Thái Yên (Đức Thọ), rèn đúc Trung Lương (Hồng Lĩnh), dệt may Thạch Đồng (TP. Hà Tĩnh)... cần tập trung cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm để mở rộng thị trường và hướng tới xuất khẩu. Bên cạnh mô hình kinh tế hộ như hiện nay, cần tổ chức sản xuất theo hướng hình thành các doanh nghiệp tư nhân (DNTN), HTX, Liên hiệp HTX để có điều kiện tập trung vốn, lao động, đổi mới trang thiết bị, công nghệ đảm bảo số lượng, chất lượng, tăng sức cạnh tranh.

- Các làng nghề đan (mây, tre), làm nón, mũ lá, dệt thảm, cói, thêu ren... cần tổ chức lại sản xuất theo mô hình: Tổ hợp các hộ gia đình sản xuất tại gia theo đặt hàng của các chủ tiêu thụ (DN dịch vụ - thương mại, HTX sản xuất - dịch vụ...); tăng cường liên kết với các cơ sở ngoài tỉnh để giải quyết khâu tiêu thụ, đa dạng hoá mẫu mã...; hướng nhanh sang sản xuất hàng xuất khẩu.

- Các làng nghề chế biến hải sản truyền thống, nước mắm, ruốc (Cẩm Nhung, Kỳ Ninh, Xuân Hội, Thạch Kim, Cương Gián...) cần tập trung mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, đa dạng chủng loại, đảm bảo vệ sinh thực phẩm, giá cả hợp lý; sớm đăng ký chất lượng và thương hiệu cho các sản phẩm. Nghiên cứu quy hoạch xây dựng các khu sản xuất tập trung để giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề.

- Phát triển các ngành cơ khí, dịch vụ sửa chữa phục vụ nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải; phát triển các điểm cơ khí, sửa chữa dịch vụ cơ, điện ở các xã, thị tứ, thị trấn đáp ứng nhu cầu nhân dân. Mỗi huyện có ít nhất từ 2-3 HTX hoặc doanh nghiệp cơ khí, riêng thành phố Hà Tĩnh và Thị xã Hồng Lĩnh phấn đấu phát triển về số lượng và mở rộng quy mô sản xuất gấp 1,5 đến 2 lần so với hiện tại.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để du nhập các nghề TTCN mới, gắn với việc phân công lại lao động ở địa bàn nông thôn như chế biến nông, lâm, hải sản, mây tre đan, sửa chữa cơ khí, vận tải, mộc, xây dựng...

- Thúc đẩy liên kết các hộ sản xuất cùng nghề thành những cơ sở qui mô lớn hơn nhằm tích tụ nguồn vốn, tăng cường đổi mới thiết bị công nghệ, áp dụng

các thành tựu khoa học kỹ thuật trong sản xuất nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

4.11. Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp - TTCN

- **Đối với KCN:** Thủ Tướng Chính phủ đã có quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 thành lập Khu kinh tế Vũng Áng với chức năng là Khu kinh tế tổng hợp; trọng tâm là phát triển công nghiệp luyện cán thép, cảng và dịch vụ cảng biển, nhiệt điện, cơ khí đóng và sửa chữa tàu biển, các ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động và có sản phẩm xuất khẩu. Ngoài khu công nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng, từ nay đến năm 2020 trên địa bàn Hà Tĩnh sẽ đầu tư thêm Khu công nghiệp Hạ Vàng và Khu công nghiệp Gia Lách (theo quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020). Ngoài ra, cần chủ động và tích cực chuẩn bị mọi mặt để khi dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê đi vào hoạt động sẽ hình thành Khu công nghiệp khai thác, chế biến quặng sắt, kéo theo sự phát triển của nhiều ngành công nghiệp phụ trợ khác.

- **Đối với cụm CN -TTCN:** đẩy nhanh quá trình đầu tư xây dựng các cụm CN -TTCN, phấn đấu đến 2015 mỗi huyện, thị xã, thành phố có từ 2 - 3 cụm CN-TTCN. Các cụm CN -TTCN dành ưu tiên cho các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống, các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

5. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển công nghiệp

5.1 *Tổng nhu cầu vốn đầu tư:* ước tính giai đoạn 2006-2020 là 93.749 tỷ đồng. Trong đó giai đoạn 2006-2010: 47.897 tỷ đồng; giai đoạn 2011-2015: 37.416 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020: 8.436 tỷ đồng.

5.2 *Nguồn vốn cần huy động:* huy động từ các nguồn vốn tín dụng, vốn liên doanh, hợp tác đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước, vốn tự có của các doanh nghiệp, vốn huy động trong dân, vốn ngân sách Nhà nước, vốn của các tổ chức quốc tế...

6. Giải pháp và chính sách thực hiện quy hoạch KT V B 4

6.1. Các giải pháp chủ yếu

a) Giải pháp về vốn

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, phát huy các nguồn nội lực (đặc biệt nguồn vốn từ các doanh nghiệp, vốn trong dân ...) đồng thời tạo mọi điều kiện để tranh thủ khai thác các nguồn vốn từ bên ngoài (bao gồm vốn của Trung ương, nước ngoài, các địa phương khác ...).

- Vốn ngân sách tập trung đầu tư chủ yếu vào xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, giao thông, điện nước... Ưu tiên cho việc phát triển nguồn nhân lực và đầu tư nghiên cứu đổi mới khoa học công nghệ. Vốn đầu tư từ Trung ương và nước ngoài ưu tiên cho các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh.

b) Giải pháp về đất đai

- Trên cơ sở quy hoạch đất đai đã được phê duyệt, cần phân bổ kế hoạch sử dụng đất một cách hợp lý, có hiệu quả, đặc biệt đất giành cho các khu công nghiệp, cụm CN - TTCN.

- Có giải pháp và chính sách tích cực, đồng bộ để thực hiện giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư cho các dự án đảm bảo tiến độ xây dựng.

c) Giải pháp về công nghệ

- Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất theo phương châm mạnh dạn đổi mới thiết bị, công nghệ để đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Tăng cường vốn ngân sách và các khoản đóng góp tự nguyện của các doanh nghiệp, tổ chức... cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để tài trợ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học công nghệ trong tỉnh.

d) Giải pháp về nguồn nhân lực

- Liên kết với các cơ sở đào tạo trong nước (nhất là Hà Nội và TP HCM) tiến hành đào tạo cán bộ chuyên môn theo chuyên ngành công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài. Cùng cố và đầu tư phát triển các Trường dạy nghề trong tỉnh.

- Thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo nghề nhằm thu hút mọi nguồn lực cho các hoạt động đào tạo nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề, các loại hình trường lớp và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học nghề, tìm kiếm việc làm; chú trọng đào tạo chất lượng cao cho cán bộ quản lý và công nhân lành nghề.

đ) Giải pháp về tổ chức quản lý

- Không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế hoạt động hiệu quả.

- Từng bước hình thành các cụm liên kết bao gồm doanh nghiệp nuôi trồng nguyên liệu, doanh nghiệp chế biến và các cơ sở dịch vụ công nghiệp, cơ sở đào tạo, các đơn vị tiêu thụ thành một chuỗi.

e) Giải pháp bảo vệ môi trường

- Giành đủ nguồn lực cho đầu tư bảo vệ môi trường, xử lý chất thải từ các nhà máy, các khu công nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp tăng tích lũy, hình thành nguồn vốn hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên theo dõi, quan trắc, đo đạc và quản lý các tiêu chuẩn môi trường; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp.

6.2. Các chính sách chủ yếu

a) Chính sách về thị trường

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, thông tin thị trường để giúp doanh nghiệp phát triển thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tạo điều kiện thành lập và nâng cao vai trò của các Hiệp hội doanh nghiệp ngành nghề trong công tác xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, sự phối hợp và hỗ trợ giữa các doanh nghiệp.

b) Chính sách khuyến khích đầu tư

- Cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư theo hướng thông thoáng, hấp dẫn, thuận lợi hơn nhằm thu hút mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu, cụm điểm công nghiệp trên địa bàn.

- Hàng năm tỉnh dành một khoản từ ngân sách để cấp cho Quỹ khuyến công địa phương.

c) Chính sách huy động vốn

- Để tạo sức hút đầu tư cho các thành phần kinh tế, các ngân hàng cần cải tiến thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc vay vốn như: linh hoạt nói rộng điều kiện thế chấp, vận dụng hình thức tín chấp, áp dụng mức lãi suất ưu đãi cho những khoản vay dài hạn để đầu tư phát triển công nghiệp.

- Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các dự án sản xuất công nghiệp, sản xuất hàng xuất khẩu.

- Áp dụng huy động vốn ứng trước đối với khách hàng để đầu tư hạ tầng, trước hết là đầu tư điện, nước, giao thông đến các khu, cụm CN tập trung.

d) Chính sách khoa học công nghệ

- Có chính sách hỗ trợ các hoạt động khoa học công nghệ, nghiên cứu triển khai áp dụng công nghệ mới, các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật...

- Áp dụng chính sách miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ - thiết bị, cho các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng thay thế hàng nhập khẩu... trong một thời gian nhất định.

đ) Chính sách đào tạo và sử dụng lao động

- Có chính sách thu hút lực lượng trí thức, chuyên gia, thợ lành nghề giỏi chuyển về công tác tại địa phương. Các doanh nghiệp cần giành kinh phí đưa cán bộ trẻ, có năng lực đi đào tạo.

- Thực hiện chính sách tuyển dụng cán bộ thông qua thi tuyển, bố trí đúng người, đúng việc; chuyển dần hình thức bổ nhiệm giám đốc doanh nghiệp sang hình thức thuê giám đốc thông qua hợp đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. *Sở Công nghiệp*: là đầu mối quản lý Nhà nước về công nghiệp, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương công bố, tuyên truyền và triển khai thực hiện nội dung của quy hoạch; triển khai các dự án theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời theo dõi quá trình thực hiện, tổng hợp những thay đổi và đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

2. *Sở Kế hoạch và Đầu tư*: căn cứ quy hoạch phát triển công nghiệp đã được phê duyệt, tính toán cân đối, huy động các nguồn lực, xây dựng các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn để thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có phát sinh cần tính toán, điều chỉnh và thông báo kịp thời cho các ngành để thực hiện.

3. *Sở Tài chính*: lập phương án, kế hoạch huy động vốn, xây dựng nguồn ngân sách hỗ trợ các chương trình phát triển công nghiệp, phân bổ nguồn vốn cho các dự án đầu tư sử dụng vốn từ Ngân sách Nhà nước.

4. *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Thủy sản*: triển khai sớm quy hoạch các vùng chuyên canh cây, con nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến.

5. *Sở Xây dựng*: thực hiện tốt chức năng xây dựng, quản lý, kiểm tra các quy hoạch; chỉ đạo triển khai các dự án về sản xuất vật liệu xây dựng.

6. *Sở Giao thông*: lập kế hoạch và thực hiện nâng cấp các tuyến giao thông tới các KCN phù hợp với quy hoạch của từng thời kỳ.

7. *Sở Tài nguyên và Môi trường*: tiến hành đo đạc, lập bản đồ, xác định giới hạn đất cho các Khu công nghiệp tập trung, thực hiện các thủ tục giao đất cho các chủ đầu tư nhanh chóng, thuận lợi; kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở sản xuất thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường...

8. *Sở Thương mại*: triển khai xúc tiến thương mại, hỗ trợ, quảng bá tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước, tổ chức các dịch vụ hỗ trợ sản xuất cho các cơ sở sản xuất công nghiệp.

9. *Sở Lao động Thương binh và Xã hội*: chủ trì, phối hợp với các ngành lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho sản xuất công nghiệp ở từng thời kỳ.

10. *UBND các huyện, thị xã, thành phố*: xây dựng chương trình hành động cụ thể để huy động các nguồn lực, tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật các Cụm công nghiệp tập trung và các Cụm công nghiệp làng nghề; tích cực xúc tiến đầu tư, nghiên cứu du nhập nghề mới, quan tâm củng cố và phát triển các làng nghề sản xuất truyền thống; đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn.

11. *Ban quản lý Khu kinh tế Vũng Áng*: trên cơ sở quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, khẩn trương lập quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng của Khu kinh tế; lập quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết các Khu công nghiệp Gia Lách, Hạ Vàng; huy động các nguồn vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật và xúc tiến đầu tư các dự án vào khu kinh tế và các khu công nghiệp.

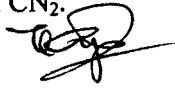
12. *Các ngành Điện, Nước, Bưu chính viễn thông*: có kế hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cấp điện, nước và thông tin liên lạc đến hàng rào các KCN phù hợp với tiến độ thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Giám đốc các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Công thương;
- TTr Tỉnh ủy; TTr HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Chánh, Phó VP.UBND tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, CN₂.



Võ Kim Cự